

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA**  
**TRUNG TÂM HỖ TRỢ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**  
**PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-1.0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098**

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số: 2026.05.29.05/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô hiệu – tỉnh Sơn La  
 03 Loại mẫu : Nước mặt Suối Hin Khao – Trạm cấp nước Sân Bay  
 04 Số lượng mẫu : 01  
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2026.05.13/BBGM. Ngày 13 tháng 05 năm 2026

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT (A)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)	mg/l	KPH (Lod:0,0007)	0,01	TCCS HD – 03/01
2	Cacdimi (Cd)	mg/l	KPH (Lod:0,00054)	0,005	TCCS HD – 02/01
3	Chì (Pb)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,02	TCCS HD – 02/01
4	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	KPH (Lod: 0,0039)	0,05	TCCS HD – 02/01
5	Crom VI (Cr <sup>+6</sup> ) (*)	mg/l	<0,003	0,01	SMEWW 3500 Cr B:2017
6	Đồng (Cu)	mg/l	KPH (Lod: 0,03)	0,1	TCCS HD – 01/01
7	Kẽm (Zn)	mg/l	<0,116	0,5	TCCS HD – 01/01
8	Niken (Ni)	mg/l	KPH (Lod: 0,004)	0,1	TCCS HD – 02/01
9	Thủy Ngân (Hg)	mg/l	KPH (Lod:0,00057)	0,001	TCCS HD – 04/01
10	Chỉ số BOD <sub>5</sub> (20°C) (*)	mg/l	<2	≤ 4	TCVN 6001-1:2021
11	Ôxy hòa tan (DO) (*)	mg/l	7,1	≥ 6,0	TCVN 7325:2016
12	Fluor (F) (*)	mg/l	<0,05	1	SMEWW 4500 F. B&D: 2023

13	Xyanua (CN <sup>-</sup> ) (*)	mg/l	<0,0025	0,01	SMEWW 4500-CN-C&E : 2023
14	Chất hoạt động bề mặt (*)	mg/l	<0,05	0,1	TCVN 6622-1:2009
15	Tổng dầu, mỡ (oils & grease) (*)	mg/l	<1,10	5,0	SMEWW 5520 F :2017
16	pH (*)	-	7,2	6,5 – 8,5	TCVN 6492:2011
17	Sắt (Fe)	mg/l	KPH (Lod: 0,031)	0,5	TCCS HD – 01/01
18	Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N) (*)	mg/l	<0,005	0,05	SMEWW 4500-NO <sub>2</sub> :2023
19	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*)	mg/l	0,268	0,3	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
20	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) (*)	mg/l	<5	≤25	TCVN 6625:2000
21	Chỉ số COD (*)	mg/l	<3	≤10	SMEWW 5220.C:2023
22	Clorua (Cl <sup>-</sup> ) (*)	mg/l	20,58	250	TCVN 6194:1996
23	Mangan (Mn)	mg/l	KPH (Lod: 0,027)	0,1	TCCS HD – 01/01
24	Coliform tổng số (*)	MPN/100 ml	9,1x10 <sup>1</sup>	≤ 1000	SMEWW 9221B:2023
25	E.coli (*)	MPN/100 ml	3	20	SMEWW 9221.B&F:2023

Son La, ngày 29 tháng 05 năm 2026

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc



Là Văn Khai



Đỗ Mạnh Thắng



Đỗ Mạnh Thắng

**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến.
- (\*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Hỗ trợ đổi mới sáng tạo và Chuyển đổi số.